

NHÓM 3: CHĂM SÓC ĐIỀU TRỊ HIV

Nhóm 3: Chăm sóc điều trị HIV

STT	Tên chỉ số	Tần suất thu thập	Nguồn số liệu
<i>a. Các chỉ số về chăm sóc điều trị HIV</i>			
Chỉ số 3.1	Số bệnh nhân trước điều trị ARV hiện đang quản lý	Hàng quý	Báo cáo TT03
Chỉ số 3.2	Số người nhiễm HIV hiện đang điều trị ARV	Hàng quý	Báo cáo TT03
Chỉ số 3.3	Số người nhiễm HIV bắt đầu điều trị HIV trong kỳ báo cáo	Hàng quý	Báo cáo TT03
Chỉ số 3.4	Số người nhiễm HIV bỏ trị trong kỳ báo cáo	Hàng quý	Báo cáo TT03
Chỉ số 3.5	Số người nhiễm HIV điều trị lại trong kỳ báo cáo	Hàng quý	Báo cáo TT03
Chỉ số 3.6	Số người nhiễm HIV được làm tải lượng virus	Hàng năm	Báo cáo TT03
Chỉ số 3.7	Số người nhiễm HIV có kết quả tải lượng virus dưới ngưỡng phát hiện (dưới 1.000cp/ml)	Hàng năm	Báo cáo TT03
<i>b. Các chỉ số về dự phòng lây truyền mẹ sang con</i>			
Chỉ số 3.8	Số phụ nữ mang thai nhiễm HIV được điều trị ARV	Hàng quý	Báo cáo TT03
Chỉ số 3.9	Số trẻ sinh ra từ mẹ nhiễm HIV được điều trị dự phòng	Hàng quý	Báo cáo TT03

Chỉ số 3.1: Số bệnh nhân trước điều trị ARV hiện đang quản lý

Chỉ số 3.1	Số bệnh nhân trước điều trị ARV hiện đang quản lý	
Mô tả chỉ số	Chỉ số thể hiện tổng số người nhiễm HIV hiện đã đăng ký vào chương trình chăm sóc điều trị HIV nhưng chưa được điều trị tính đến cuối kỳ báo cáo	
Mục đích sử dụng	– Đánh giá tiến độ triển khai chương trình chăm sóc và điều trị cho bệnh nhân HIV sau khi đăng ký điều trị thông qua đánh giá số lượng bệnh nhân vẫn phải chờ điều trị	
Cách tính chỉ số	Số bệnh nhân trước điều trị ARV hiện đang quản lý đến cuối kỳ báo cáo = số bệnh nhân chưa điều trị ARV còn đang được quản lý tính đến cuối kỳ báo cáo trước + số mới đăng ký điều trị nhưng chưa được điều trị trong kỳ + số mới chuyển đến chưa điều trị ARV trong kỳ + số bệnh nhân quay lại điều trị sau một thời gian mất dấu mà vẫn chưa được điều trị ARV trong kỳ TRỪ ĐI (số bệnh nhân tử vong + chuyển đi + mất dấu trước khi được điều trị ARV + số bệnh nhân đã chuyển sang điều trị ARV trong kỳ này).	
Nguồn số liệu	Chỉ số 2, Bảng 4 của Báo cáo quý công tác phòng, chống HIV tuyến huyện (Phụ lục 2 của Thông tư 03)	
Phương pháp tổng hợp	Thu thập báo cáo của từng cơ sở điều trị HIV trên địa bàn rồi tổng hợp số liệu trên toàn tỉnh từ báo cáo của các cơ sở	
Phân nhóm chỉ số	Phân nhóm	Cách thức phân nhóm
	Tuyến huyện	Từng huyện
Tần suất cập nhật	Hàng quý	
Lưu ý	Số bệnh nhân mất dấu trước khi được điều trị ARV là số bệnh nhân không đến tái khám từ 6 tháng trở lên.	

Chỉ số 3.2: Số người nhiễm HIV hiện đang điều trị ARV

Chỉ số 3.2	Số người nhiễm HIV hiện đang điều trị ARV	
Mô tả chỉ số	Chỉ số này cho biết tại thời điểm báo cáo có bao nhiêu người nhiễm HIV đang được điều trị ARV	
Mục đích sử dụng	<ul style="list-style-type: none">– Đánh giá độ bao phủ của chương trình điều trị ARV đối với người nhiễm HIV– Đo lường mục tiêu thứ 2 của chương trình 90-90-90	
Cách tính chỉ số	Đếm số người nhiễm HIV hiện đang điều trị ARV được quản lý tại cơ sở (bao gồm cả những người nhiễm nhận thuốc tại điểm cấp phát thuốc nhưng hồ sơ do cơ sở đang quản lý)	
Nguồn số liệu	Chỉ số 2.7, Bảng 5 của Báo cáo quý công tác phòng, chống HIV tuyến huyện (Phụ lục 2 của Thông tư 03)	
Phương pháp tổng hợp	Thu thập báo cáo của từng cơ sở điều trị HIV trên địa bàn rồi tổng hợp số liệu trên toàn tỉnh từ báo cáo của các cơ sở.	
Phân nhóm chỉ số	Phân nhóm	Cách thức phân nhóm
	Tuyến huyện	Từng huyện
	Phác đồ	<ul style="list-style-type: none">- Phác đồ bậc 1- Phác độ bậc 2
Tần suất cập nhật	Hàng quý	
Lưu ý	Số người nhiễm hiện đang điều trị ARV không thể nhiều hơn số người nhiễm trong chương trình chăm sóc và điều trị HIV	

Chỉ số 3.3: Số người nhiễm HIV bắt đầu điều trị HIV trong kỳ báo cáo

Chỉ số 3.3	Số người nhiễm HIV bắt đầu điều trị HIV trong kỳ báo cáo	
Mô tả chỉ số	Chỉ số thống kê số lượng người nhiễm bắt đầu được điều trị bằng thuốc ARV trong kỳ báo cáo	
Mục đích sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi, đánh giá hiệu quả hoạt động tư vấn sau xét nghiệm - Đo lường tiến độ mục tiêu thứ hai của chương trình 90-90-90 	
Cách tính chỉ số	Đếm số người nhiễm mới bắt đầu được điều trị ARV lần đầu tiên trong kỳ báo cáo (Bệnh nhân chưa bao giờ được điều trị ARV tại bất kỳ CSĐT nào hoặc từng điều trị ARV nhưng chưa có hồ sơ quản lý tại bất cứ cơ sở điều trị nào)	
Nguồn số liệu	Chỉ số 2.1, Bảng 5 của Báo cáo quý công tác phòng, chống HIV tuyến huyện (Phụ lục 2 của Thông tư 03)	
Phương pháp tổng hợp	Thu thập báo cáo của từng cơ sở điều trị HIV trên địa bàn rồi tổng hợp số liệu trên toàn tỉnh từ báo cáo của các cơ sở.	
Phân nhóm chỉ số	Phân nhóm	Cách thức phân nhóm
	Tuyến huyện	Từng huyện
Tần suất cập nhật	Hàng quý	
Lưu ý	<p>Bệnh nhân lần đầu tiên được điều trị ARV gồm cả những bệnh nhân sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Bệnh nhân đã từng điều trị ARV ở các cơ sở y tế tư nhân hoặc tự mua thuốc điều trị nhưng chưa bao giờ có hồ sơ quản lý tại bất cứ cơ sở điều trị ARV nào – Bệnh nhân đã từng được điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con hoặc điều trị sau phơi nhiễm nghề nghiệp (nhưng chưa bao giờ được điều trị ARV lâu dài). 	

Chỉ số 3.4: Số người nhiễm HIV bỏ trị trong kỳ báo cáo

Chỉ số 3.4	Số người nhiễm HIV bỏ trị trong kỳ báo cáo	
Mô tả chỉ số	Thông kê số người nhiễm đã được điều trị ARV nhưng không đến nhận thuốc ARV hoặc không tái khám từ 90 ngày trở lên căn cứ theo ngày hẹn tái khám	
Mục đích sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> – Đánh giá hiệu quả chương trình điều trị trong việc duy trì người nhiễm trong chương trình – Đánh giá tỷ lệ tuân thủ điều trị ARV trong nhóm người nhiễm đang được điều trị ARV 	
Cách tính chỉ số	Đếm tổng số người nhiễm không đến nhận thuốc ARV hoặc không tái khám từ 90 ngày trở lên căn cứ theo ngày hẹn nhận thuốc/ tái khám	
Nguồn số liệu	Chỉ số 2.5, Bảng 5 của Báo cáo quý công tác phòng, chống HIV tuyến huyện (Phụ lục 2 của Thông tư 03)	
Phương pháp tổng hợp	Thu thập báo cáo của từng cơ sở điều trị HIV trên địa bàn rồi tổng hợp số liệu trên toàn tỉnh từ báo cáo của các cơ sở	
Phân nhóm chỉ số	Phân nhóm	Cách thức phân nhóm
	Tuyến huyện	Từng huyện
	Phác đồ	<ul style="list-style-type: none"> - Phác đồ bậc 1 - Phác đồ bậc 2
Tần suất cập nhật	Hàng quý	
Lưu ý	Không tính những trường hợp bệnh nhân ngừng/dừng điều trị ARV do chỉ định của bác sĩ.	

Chỉ số 3.5: Số người nhiễm HIV điều trị lại trong kỳ báo cáo

Chỉ số 3.5	Số người nhiễm HIV điều trị lại trong kỳ báo cáo	
Mô tả chỉ số	Chỉ số thể hiện số người nhiễm trước đây đã được điều trị ARV nhưng không đến nhận thuốc trên 90 ngày (bỏ trị) và quay lại điều trị ARV trong kỳ báo cáo này	
Mục đích sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi tổng số người nhiễm đã bỏ trị và quay lại điều trị lại tại các cơ sở - Đánh giá công tác điều trị 	
Cách tính chỉ số	- Đếm tổng số người nhiễm bỏ trị tại bất cứ cơ sở nào trước đây quay lại điều trị ARV trong kỳ báo cáo. (Người nhiễm bỏ trị là bệnh nhân không đến nhận thuốc ARV hoặc không đến tái khám từ 90 ngày trở lên tính theo ngày hẹn nhận thuốc/ tái khám)	
Nguồn số liệu	Chỉ số 2.2, Bảng 5 của Báo cáo quý công tác phòng, chống HIV tuyến huyện (Phụ lục 2 của Thông tư 03)	
Phương pháp tổng hợp	Thu thập báo cáo của từng cơ sở điều trị HIV trên địa bàn rồi tổng hợp số liệu trên toàn tỉnh từ báo cáo của các cơ sở	
Phân nhóm chỉ số	Phân nhóm	Cách thức phân nhóm
	Tuyến huyện	Từng huyện
	Phác đồ	<ul style="list-style-type: none"> - Phác đồ bậc 1 - Phác độ bậc 2
Tần suất cập nhật	Hàng quý	
Lưu ý	Bệnh nhân quay lại cơ sở điều trị ngày nào thì báo cáo điều trị lại vào ngày đó, không phụ thuộc việc bệnh nhân có được phát thuốc ARV luôn tại thời điểm quay lại hay không.	

Chỉ số 3.6: Số người nhiễm HIV được làm tải lượng virus

Chỉ số 3.6	Số người nhiễm HIV được làm tải lượng virus	
Mô tả chỉ số	Chỉ số này thống kê số người nhiễm đang điều trị ARV và được làm xét nghiệm tải lượng HIV thường quy trong kỳ báo cáo	
Mục đích sử dụng	- Đánh giá hiệu quả chương trình điều trị ARV	
Cách tính chỉ số	Đếm tổng số người nhiễm HIV được làm tải lượng virus	
Nguồn số liệu	Chỉ số 2, Bảng 3 của Báo cáo năm công tác phòng, chống HIV tuyến huyện (Phụ lục 3 của Thông tư 03)	
Phương pháp tổng hợp	Thu thập báo cáo của từng cơ sở điều trị HIV trên địa bàn rồi tổng hợp số liệu trên toàn tỉnh từ báo cáo của các cơ sở	
Phân nhóm chỉ số	Phân nhóm	Cách thức phân nhóm
	Tuyến huyện	Từng huyện
	Giới tính	Nam, Nữ
	Nhóm tuổi	<15, 15 – 24, 25 - 34, 35 – 44, >45
	Phác đồ	- Phác đồ bậc 1 - Phác độ bậc 2
	Hộ khẩu thường trú	Nội tỉnh, ngoại tỉnh
Tần suất cập nhật	Hàng năm	
Lưu ý	Chỉ số này tính số người chứ không tính số lượt, nếu một người nhiễm được làm tải lượng virus nhiều lần trong năm thì chỉ được đếm một lần trong chỉ số này	

Chỉ số 3.7: Số người nhiễm HIV có kết quả tải lượng virus dưới ngưỡng phát hiện (dưới 1.000cp/ml)

Chỉ số 3.7	Số người nhiễm HIV có kết quả tải lượng virus dưới ngưỡng phát hiện (dưới 1.000cp/ml)	
Mô tả chỉ số	Thống kê tổng số bệnh nhân đang điều trị ARV được làm xét nghiệm tải lượng virus HIV và có kết quả tải lượng dưới ngưỡng phát hiện (dưới 1.000cp/ml) trong kỳ báo cáo	
Mục đích sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> – Đo lường mục tiêu 3 của chương trình 90-90-90 – Theo dõi hiệu quả điều trị ARV của người nhiễm đang điều trị 	
Cách tính chỉ số	Đếm số bệnh nhân có kết quả tải lượng HIV dưới 1000 cp/ml trong số bệnh nhân điều trị ARV được làm xét nghiệm tải lượng HIV trong kỳ báo cáo	
Nguồn số liệu	Chỉ số 2, Bảng 3 của Báo cáo năm công tác phòng, chống HIV tuyến huyện (Phụ lục 3 của Thông tư 03)	
Phương pháp tổng hợp	Thu thập báo cáo của từng cơ sở điều trị HIV trên địa bàn rồi tổng hợp số liệu trên toàn tỉnh từ báo cáo của các cơ sở	
Phân nhóm chỉ số	Phân nhóm	Cách thức phân nhóm
	Tuyến huyện	Từng huyện
Tần suất cập nhật	Hàng năm	
Lưu ý	Chỉ số này tính số người chứ không tính số lượt. Nếu một người nhiễm được làm tải lượng virus nhiều lần trong năm thì chỉ tính kết quả xét nghiệm của lần gần nhất	

Chỉ số 3.8: Số phụ nữ mang thai nhiễm HIV được điều trị ARV

Chỉ số 3.8	Số phụ nữ mang thai nhiễm HIV được điều trị ARV	
Mô tả chỉ số	Thống kê số phụ nữ mang thai nhiễm HIV được điều trị ARV trong kỳ báo cáo bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Điều trị trước khi có thai - Bắt đầu điều trị trong thời kỳ mang thai - Bắt đầu điều trị ARV trong khi chuyển dạ, đẻ 	
Mục đích sử dụng	Thống kê tỷ lệ phụ nữ mang thai nhiễm HIV được điều trị ARV để đánh giá kết quả chương trình dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con	
Cách tính chỉ số	$\text{Số phụ nữ mang thai nhiễm HIV được điều trị ARV trong kỳ báo cáo} = \text{số phụ nữ mang thai nhiễm HIV được điều trị trước khi có thai} + \text{số phụ nữ mang thai nhiễm HIV bắt đầu điều trị trong thời kỳ mang thai} + \text{số phụ nữ mang thai nhiễm HIV được bắt đầu điều trị ARV trong khi chuyển dạ, đẻ}$	
Nguồn số liệu	Chỉ số 1, Bảng 6 của Báo cáo quý công tác phòng, chống HIV tuyến huyện (Phụ lục 2 của Thông tư 03)	
Phương pháp tổng hợp	Thu thập báo cáo của các cơ sở cung cấp dịch vụ điều trị dự phòng lây truyền từ mẹ sang con trên địa bàn rồi tổng hợp số liệu trên toàn tỉnh từ báo cáo của các cơ sở	
Phân nhóm chỉ số	Phân nhóm	Cách thức phân nhóm
	Tuyến huyện	Từng huyện
Tần suất báo cáo	Hàng quý	

Chỉ số 3.9: Số trẻ sinh ra từ mẹ nhiễm HIV được điều trị dự phòng

Chỉ số 3.9	Số trẻ sinh ra từ mẹ nhiễm HIV được điều trị dự phòng	
Mô tả chỉ số	Thống kê số trẻ đẻ sống sinh ra từ mẹ nhiễm HIV được điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con trong kỳ báo cáo	
Mục đích sử dụng	Tính toán tỷ lệ trẻ sinh ra được dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con. Từ đó đánh giá kết quả hoạt động chương trình dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con	
Cách tính chỉ số	Đếm số trẻ em sinh ra từ mẹ có kết quả HIV dương tính (không tính mẹ có kết quả dương tính giả) được xét nghiệm	
Nguồn số liệu	Chỉ số 2, Bảng 6 của Báo cáo quý công tác phòng, chống HIV tuyến huyện (Phụ lục 2 của Thông tư 03)	
Phân nhóm chỉ số	Phân nhóm	Cách thức phân nhóm
	Tuyến huyện	Từng huyện
	Giới tính	Nam, Nữ
	Phương pháp dự phòng	- Được dự phòng ARV
		- Được dự phòng bằng co-trimoxazole (CTX) trong vòng 2 tháng sau sinh
- Được điều trị ARV khi xét nghiệm PCR lần 1 dương tính		
Tần suất cập nhật	Hàng quý	
Lưu ý	Không báo cáo các trường hợp trẻ sinh ra từ bà mẹ có kết quả xét nghiệm HIV dương tính giả được điều trị phòng lây truyền mẹ sang con.	